**2016年「越南菁英500赴臺灣攻讀碩博士學位獎學金」招生公告**

(2016年2月1日)

越南菁英500獎學金專案(VEST 500-Vietnamese Elites Study in Taiwan Project)係依據臺灣與越南雙方於2008年10月15日簽署之「教育瞭解備忘錄」，以及雙方2013年12月3日於臺灣高雄舉辦「教育合作會議」之決議辦理。預定於2009年至2020年間遴選越南大學/高專教師和公務人員共500人，赴臺灣攻讀碩士或博士學位。

本項獎學金專案由臺灣「教育部菁英來臺留學辦公室」(ESIT)與越南「教育部培訓部國外培訓局」(VIED)負責執行，並由越南河內及胡志明市兩地臺北經濟文化辦事教育組協助辦理遴選作業。遴選作業分為初選、複選兩個階段進行。

**1、獎學金內容**

－攻讀博士學位獎學金（培訓時間不超過4年）

－攻讀碩士學位獎學金（培訓時間不超過2年）

**2、名額及待遇**

共60名，受獎人可獲得以下待遇︰

－越南補助項目︰由越南教育培訓部補助護照費、簽證費、交通費、生活費，保險費以及來回機票等項目。

－臺灣補助項目：由臺灣參與VEST-500聯盟之45所大學(詳附名單)提供免學費待遇，以及審查決定是否另提供獎助學金。

**3、進修領域**

申請人須依據越南政府國庫預算培訓計畫之領域，申請赴臺灣進入VEST-500獎學金專案聯盟大學之各相關系所就讀。

**3.1 進修博士領域**：

依據越南各校培訓師資以及越南社會發展人力資源需求，優先培訓之領域包括：科技、工藝、自然科學、農業、生物科技、人文社會科系，以及越南國内尚未開設或培訓品質不高的專業領域。

**3.2 進修碩士領域**：

優先培訓越南高等教育機構所需教師，以及越南國内尚未開設或培訓品質不高的專業領域。對於公務機關申請人，進修領域須符合越南政府各部會、科學研究以及所屬公務機關之需求，領域包含︰自然科學、新能源技術、傳播資訊技術、新材料技術、機械製造及自動化技術、環境技術、醫學、藥學、護理學、公共管理、人文社會科學，以及其他特殊領域等。

**4、申請資格**

**4.1攻讀博士資格︰**

a) 越南各大學或高專現任全職教師、合約聘任教師，年齡未滿45歲者。

b) 具碩士學位，畢業後至本項獎學金申請日止已屆滿一年，有意願並承諾赴國外就讀完成後，回國擔任大學或高專教師，並已獲得越南一所大學或高專推薦者。

**4.2 攻讀碩士資格**

a) 大學或高專教師︰越南各大學或高專現任全職教師、合約聘任教師，於現任學校連續服務屆滿2年以上，年齡未滿35歲，外語能力符合規定，在教學專業具有研究績效，獲服務單位推薦者；大學畢業生畢業成績優等，或獲得教育培訓部頒發越南年輕科學家獎狀或相當之獎狀（例如︰越土人才、工藝科學部之獎狀等），於畢業屆滿一年後，獲大專院校書面同意聘任為學校教師，並承諾於完成學位後回到原薦送學校任教者。

b) 公務人員：各部會、工藝科學研究機構或國家相關單位之公務員，服務年資符合公務人員出國進修之規定，年齡未滿35歲，外語能力符合申請條件，並有現職服務單位之推薦，進修領域符合單位長久發展需要者。並須具備學士學位，畢業成績良等以上，平均成績須達7分以上。國外大學畢業者，其成績計算須對照越南大學相當等級。

附註︰已獲越南165專案培訓獎學金或正在申請該專案或其他專案獎學金者，均不能再申請本項獎學金。

**5、申請條件**

**5.1**申請人須符合下列基本條件︰

* 身心健康並具有良好品行，承諾遵照越南政府之規定，於出國培訓期滿後，返回越南原服務學校或單位履行服務義務。
* 申請碩士者，年齡未滿35歲；申請博士者，年齡未滿45歲。
* 申請出國留學之領域須與原取得學位之專業領域相關，並符合本項獎學金第三條之規定。
* 須取得原服務學校(單位)出國進修同意函，於出國培訓期滿後，返回越南原服務學校或單位履行服務義務。第4.2b條之公務人員，若擬轉任學校教師，須提出擔任教師之承諾書，並有擔保者及推薦單位之意見。
* 申請期間無違犯紀律或受刑事起訴之情事。
* 外語能力須符合本項獎學金第六條之規定。
* 在大學具有研究成果者優先考慮，研究成果包括於科學雜誌刊登科學研究成果，或於國際、國家會議文集刊登學校等級以上之科學論著；或參加部會級以上研究專題，已有驗收或實際應用之成果。

**5.2申請博士條件︰**

* 依據第4.1a條規定之申請人，須具備大學及碩士畢業資格，成績須達良等以上，平均成績須達7分（採10分制）以上。
* 依據第4.1b條規定之申請人，大學畢業成績須達優等，碩士平均成績須達8分以上，並須獲得一所大學承諾聘任之合約書，其父母或擔保人並須提出切結書，對推薦之大學負責任及義務（註：依據越南政府總理2010年6月17日第911/QĐ-TTg決定之「2010-2020年為各大專院校培養博士學位教師」專案，暨教育培訓部2012年10月12日第35/2012/TT-BGDĐT號通示辦理）。

**5.3申請碩士條件︰**

申請人須具有正規大學畢業成績良等以上，平均成績須達7分以上。國外大學畢業者，其畢業類別及成績須依據國外大學之規定或對照越南大學相關分類。

**6、外語能力**

**6.1不須提交外語能力者**

曾在英語系國家或臺灣留學並已取得國外大學學士或碩士學位者，可憑其已獲學位證書及成績單證明其外語能力。

**6.2必須提交外語能力者：**

申請人曾在越南或在非英語系國家學習，並已取得學士或碩士學位者，均須提交國際英語或華語文能力測驗證明，測驗成績以最近2年內為限：

1. 英語能力：國際英文證書IELTS 5.5以上，TOEFL-CBT 173分以上，TOEFL-PBT 550分以上；或相當於歐洲語言共同參考架構(CEFR)整體能力B2級以上具有國際公信力之測驗成績證明（不接受TOEIC證書）。

附註： TOEFL-PBT 500分以上即可進入第一階段初選(詳見第8.1條)，欲進入第二階段複選(詳見第8.2條)，仍需達到TOEFL-PBT 550分以上。

b) 華語能力：臺灣「華語文能力測驗」(TOCFL ) 3級以上。

**7、申請文件及寄送地址**

**7.1 申請文件：**

申請人須於2016年4月30日前提交下列申請文件英文本或中文本。

* 1. 申請表1份（附件1）。
  2. 大學以上畢業證書及成績單各1份：須先送經「越南外交部領事事務局」或「胡志明市外務廳」驗證。
  3. 外語能力證明影本1份。
  4. 研究進修計畫1份（500字以上）。
  5. 推薦信2份。
  6. 科學研究資料、已發表或獲認可之研究專題清單(如有請附)。
  7. 財力證明1份。
  8. 護照影本1份。
  9. 其他附件(如有)。

附註：所有申請文件請以A4紙直向整理，並附加文件清單1份，置入25cm x

34cm信封內，信封外請加註「申請VEST-500獎學金」字樣，並寫明申請人之聯絡地址、電話、電子郵件。

**7.2 寄送地址：**

申請人須依據戶籍地址，將申請文件分別寄送河內(順化以北者)或胡志明市(峴港以南者)

**駐越南臺北經濟文化辦事處教育組** (戶籍在順化以北者)

越南河內市紙橋郡春水路239號HITC大樓305室

**Education Division, Taipei Economic and Cultural Office in Hanoi, Vietnam**

Room 305, HITC Building, 239 Xuan Thuy Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam  Email: [tweduvn@gmail.com](mailto:tweduvn@gmail.com);  Website: [http://www.tweduvn.org](http://www.tweduvn.org/)

Tel:+84-4-3833-5501 ext. 458~9; Fax:+84-4-3226-2114

**駐胡志明市臺北經濟文化辦事處教育組** (戶籍在峴港以南者)

越南胡志明市第10郡第4坊阮智芳街336號220室

**Education Division, Taipei Economic and Cultural Office in Ho Chi Minh City**

Room 220, 336 Nguyen Tri Phuong Street, Ward 4, District 10, HCM City, Vietnam Tel: +84-8-3834-9160 ext. 2202，2203; Fax: +84-8-3834-9180

**8、遴選方式**

本項獎學金遴選作業分為初選和複選兩個階段進行。

**8.1初選**

由ESIT辦公室及臺灣各聯盟大學進行初選。初選作業將參考申請人之申請文件進行審查，以決定是否錄取及所提供之獎學金內容。

**8.2複選**

初選錄取人應於VIED網站 (<http://tuyensinh.vied.vn>) 填報參加複選資料，並繳交書面文件，以參加複選，由VIED參考初選錄取名單，並依據國家獎學金出國留學規定與應備文件(越南文)進行複選。複選結果將在8月於越南教育培訓部網站([www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vn), [www.vied.vn](http://www.vied.vn))正式公告錄取名單。

依據教育培訓部錄取公告、臺灣各聯盟學校核發之入學同意函，並符合教育培訓部選派幹部送國外就讀相關規定者，教育培訓部將於申請人入學前，核發獎學金證明函予申請人及教育部菁英來臺留學辦公室。

附註：申請人所繳資料如有不實，應受法律懲罰，已繳交之手續費不予退還。

以上遴選階段，通過初審但並未進行複審者，則聯盟大學有權決定錄取資格及受獎內容；通過初審並未通過複審，則申請人仍享有聯盟大學提供之免學費獎學金。透過本專案進行申請且確實來臺就讀者，皆列為本案之專案生。

**9、遴選時程**

* VIED與ESIT及駐越南臺北經濟文化辦事處(TECO)將於1月份公告本項獎學金資訊；
* 受理本項獎學金初選申請。申請人應於公告後至4月底前，至ESIT線上申請系統完成申請程序，並將入學申請資料郵寄至「駐河內臺北經濟文化辦事處教育組」或「駐胡志明市臺北經濟文化辦事處教育組」；
* 完成申請程序並於線上填送申請資料後，即開始進行初選，初選程序由系統通知聯盟學校進行審核，審核結果於5月底前回報於ESIT線上申請系統。
* ESIT將依據申請者於線上申請系統所填選之志願順序，由最高志願聯盟學校提供錄取信予ESIT，再由ESIT將錄取信予申請者；
* VIED與ESIT及TECO(教育組)於6月初公告初選錄取名單；
* 初選錄取人依照越南教育培訓部獎學金招生公告及要求事項向VIED申請參加複選。
* 越南教育培訓部於8月公告錄取名單；
* 申請人至晚於7月底前回覆是否如期赴臺灣就讀或將申請延後入學（錄取人須向發給入學同意函之聯盟學校申請延後入學，經同意者可保留入學資格1學期或1年）；
* 錄取人親自參加「赴臺灣留學行前說明會」1天，同時準備申請赴臺灣留學簽證事宜。
* 錄取人申請臺灣留學簽證(須提交體檢表、學歷文件、入學同意函、獎學金證明)，並向越南教育培訓部國外培訓局辦理赴國外留學手續。
* 錄取人依照臺灣各聯盟大學指定之時間，搭機赴臺灣報到入學。

附註：通過初選審但並未進行複審者，需於收到聯盟學校錄取信後1個月內回覆是否來臺就讀；通過初審但並未通過複審者，需於複審名單公告後1個月內回覆是否來臺就讀。以上兩者皆需自行提供財力證明申請簽證。

**10、權利義務**

**10.1** 受獎人經由ESIT以及臺灣各聯盟大學初選錄取，並獲越南教育培訓部複選

錄取者，應遵守並符合越南國家經費預算獎學金之各項資格與條件。

**10.2** 受獎人應承諾出國培訓期滿後即返回原薦送之學校或單位服務，其承諾須

依越南國庫經費獎學金專案之規定進行認證。若違反規定與承諾，除將取消

其受獎人資格外，並應償還越南政府所補助之全部培訓費用。

**10.3** 越南教育培訓部公告正式錄取名單後，VIED、駐越南臺北經濟文化辦事處

配合公告辦理赴臺灣留學行前說明會。

**10.4** 受獎人依據國家經費預算之現行規定領取本項獎學金並執行受獎人之義

務。受獎期限將依據國外大學所核發之入學許可，並符合本公告第1條所訂 之年限。

**10.5** 受獎人只能領取1項國內或國外所核發的獎學金。受獎人若同時獲得其他

單位或國外的獎學金，且其獎學金待遇與越南國庫獎學金相同或更高，將被 取消受領本案獎學金資格；如果其他單位或國外所核發的獎學金待遇不如本案獎學金，越南教育培訓部將會考量補貼其不足部分。

**10.6** 受獎人應遵守越南財政部2013年9月19日第130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT

號函有關執行財政任務之聯席通示、教育培訓部指導進行政府總理2010年6月17日第911/QĐ-TTg有關2010-2020年培訓大學、高專教師攻讀博士學位提案，以及其他以國庫經費在國外培訓教師之財政問題相關提案。

**11、本案獎學金相關訊息參考網站**

越南教育培訓部及國外培訓局(VIED)︰http://www.moet.gov.vn 及<http://www.vied.vn>

臺灣教育部菁英來來留學辦公室︰<http://www.esit.org.tw>

駐越南臺北經濟文化辦事處教育組︰<http://www.tweduvn.org/vn>

駐胡志明市臺北經濟文化辦事處教育組︰<http://www.tecohcm.org.vn/vn>

**THÔNG TIN**

**TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC TẠI ĐÀI LOAN NĂM 2016**

**THEO CHƯƠNG TRÌNH VEST-500**

Ngày 01/02/2016

Căn cứ theo “Biên bản ghi nhớ hợp tác Giáo dục” giữa Đài Loan và Việt Nam được kí vào ngày 15 tháng 10 năm 2008 và Nghị quyết “ Hội nghị hợp tác Giáo dục Việt-Đài” được tổ chức vào ngày 3 tháng 12 năm 2013 tại Cao Hùng, đề án VEST 500 (500 Vietnamese Elites Study in Taiwan Project) với mục tiêu dự kiến từ năm 2009 đến 2020 tuyển chọn đào tạo 500 cán bộ viên chức, giảng viên các Trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam đến học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại Đài Loan.

Đề án này được giao cho Văn phòng Tinh Anh du học Đài Loan của Bộ Giáo dục Đài Loan (ESIT) và Cục đào tạo với nước ngoài- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (VIED) phụ trách thực hiện dưới sự hỗ trợ tuyển chọn của Phòng Giáo dục - Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình tuyển chọn ứng viên được chia thành hai giai đoạn, bao gồm sơ tuyển và xét tuyển.

**1. Chương trình học bổng:**

-Chương trình học bổng tiến sĩ ( thời gian đào tạo không quá 04 năm)

-Chương trình học bổng thạc sĩ ( thời gian đào tạo không quá 02 năm )

**2. Số lượng học bổng và Chế độ học bổng**

Tổng số có 60 suất học bổng toàn phần, người dự tuyển trúng tuyển được hưởng các quyền lợi sau:

-Hỗ trợ từ phía Việt Nam: Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam cấp phí làm hộ chiếu, visa, phí đi đường, sinh hoạt phí hàng tháng, bảo hiểm y tế và 01 vé máy bay lượt đi và lượt về.

- Hỗ trợ từ phía Đài Loan: Liên minh 45 trường đại học tham gia đề án VEST 500 (đính kèm tệp danh sách các trường) sẽ miễn học phí cho toàn bộ khóa học và xem xét cấp thêm học bổng (nếu có).

**3. Ngành học**

Người dự tuyển đăng ký học các ngành được đào tạo tại các trường đại học tại Đài Loan thuộc danh sách liên minh VEST 500. Đồng thời ngành học phải phù hợp với quy định ngành đào tạo của các đề án đào tạo bằng ngân sách nhà nước Việt Nam như sau:

**3.1.** **Ngành học đào tạo trình độ tiến sĩ:**

Các ngành học theo nhu cầu đào tạo giảng viên của các trường và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, ưu tiên đào tạo các ngành khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên, nông nghiệp, công nghệ sinh học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn mà trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo chất lượng chưa cao.

**3.2.** **Ngành học đào tạo trình độ thạc sĩ:**

Ưu tiên đào tạo giảng viên các cơ sở giáo dục đại học về các ngành mà trong nước chưa có khả năng đào tạo hoặc đào tạo chất lượng chưa cao; Đối với các nhóm đối tượng khác, ngành đào tạo tùy thuộc vào nhu cầu thực tế cần ưu tiên đào tạo của các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, các Bộ, ngành và cơ quan khác của nhà nước, bao gồm các nhóm ngành: Khoa học tự nhiên, công nghệ năng lượng mới, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy và tự động hóa, công nghệ môi trường, y, dược, điều dưỡng, quản lý công, khoa học xã hội và nhân văn, các ngành đào tạo đặc thù và ngành ưu tiên khác.

**4. Đối tượng dự tuyển**

**4.1.** **Dự tuyển trình độ tiến sĩ**

a. Giảng viên biên chế, giảng viên hợp đồng làm việc xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn của các đại học, học viện là cơ sở đào tạo đại học, trường đại học, cao đẳng

b. Sinh viên tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp thạc sĩ trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển, có nguyện vọng, cam kết đi học để làm giảng viên đại học, cao đẳng được một trường đại học, cao đẳng có ý kiến đồng ý bằng văn bản đề cử đi học để về làm giảng viên tại trường.

**4.2.** **Dự tuyển trình độ thạc sĩ**

**a.***Giảng viên:* giảng viên biên chế hoặc hợp đồng làm việc của các trường đại học và cao đẳng được trường xét và cử dự tuyển nếu thỏa mãn các điều kiện: có ít nhất 02 năm công tác liên tục tại trường cử đi học tính đến ngày dự tuyển, tuổi dưới 35, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu quy định đối với người dự tuyển, ưu tiên người có thành tích trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc sinh viên đạt giải thưởng Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam của Bộ GDĐT và các giải thưởng khác tương đương (ví dụ: Nhân tài đất Việt, giài thưởng VIFOTEC,>>>), được dự tuyển và được xét cấp học bổng trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp nếu đã được tuyển dụng làm giảng viên với một cơ sở đào tạo đại học và cam kết sau khi tốt nghiệp sẽ trở về trường tiếp tục công tác.

**b.***Công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, các Bộ, ngành và cơ quan khác của nhà nước:* Có đủ thâm niên công tác quy định đối với công chức, viên chức nhà nước đi học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, tuổi dưới 35, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu quy định đối với người dự tuyển và được cơ quan xét cử dự tuyển đi học những ngành cần thiết để phục vụ công tác lâu dài cho cơ quan.

**Lưu ý:** Những đối tượng thuộc phạm vi đào tạo của Đề án 165, đã được duyệt cấp học bổng hoặc đang trong thời gian dự tuyển học bổng trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Đề án 165 và các đối tượng đã được duyệt cấp học bổng hoặc đang trong thời gian dự tuyển các đề án, chương trình học bổng của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp không được tham gia dự tuyển theo Chương trình này.

**5. Điều kiện dự tuyển**

**5.1.Người dự tuyển phải thỏa mãn các điều kiện chung như sau**:

* Có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe để học tập ở nước ngoài, cam kết trở về nước phục vụ tại cơ quan đã cử đi học;
* Không quá 35 tuổi (đối với người dự tuyển học bổng thạc sĩ), không quá 45 tuổi (đối với người dự tuyển học bổng tiến sĩ);
* Đăng ký ngành học phù hợp với ngành đã tốt nghiệp đại học, thạc sĩ và quy định nêu tại mục 3 nêu trên;
* Có công văn của cơ quan công tác cho phép dự tuyển và cam kết trở về nước công tác (trường hợp đối tượng quy định tại mục điểm b mục 4.2. cần có cam kết đi học để về làm giảng viên, có ý kiến của người bảo lãnh và cơ sở đào tạo đại học đề cử đi học);
* Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
* Đủ trình độ ngoại ngữ theo qui định tại Mục 6 của Thông báo này;
* Ưu tiên người đã tiến hành các hoạt động nghiên cứu trong và sau khi học đại học, cao học; có thành tích nghiên cứu khoa học thể hiện qua các bài báo đăng trên tạp chí khoa học, hoặc báo cáo tại Hội nghị khoa học cấp trường trở lên và được đăng trong Kỷ yếu hội nghị quốc tế, quốc gia và cấp ngành, hoặc tham gia đề tài nghiên cứu cấp Bộ trở lên và đề tài đó đã được nghiệm thu hoặc đang được ứng dụng vào thực tiễn.

**5.2.** **Điều kiện cụ thể khác đối với người dự tuyển dự tuyển trình độ tiến sĩ:**

* Đối tượng quy định tại điểm a mục 4.1. phải có bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ hệ chính quy với kết quả học tập đạt loại khá trở lên (7,0 điểm trở lên, theo thang điểm 10 hoặc tương đương).
* Đối tượng quy định tại điểm b mục 4.1. phải có kết quả học đại học đạt loại giỏi trở lên và thạc sĩ đạt 8,0 trở lên (theo thang điểm 10), được một trường ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên đại học, cao đẳng sau khi tốt nghiệp và được bố/mẹ hoặc người bảo lãnh có cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ với trường cử dự tuyển quy định tại Điều 4 của Quy định về Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020” được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5.3. Điều kiện cụ thể khác đối với người dự tuyển dự tuyển trình độ thạc sĩ:**

Người dự tuyển cần có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đạt loại khá trở lên với kết quả học tập đạt 7,0 trở lên (theo thang điểm 10 hoặc tương đương). Trường hợp được đào tạo ở nước ngoài thì đánh giá loại tốt nghiệp, kết quả học tập theo quy định về đánh giá và thang điểm của cơ sở đào tạo nước sở tại hoặc xét tương đương theo đánh giá xếp loại của Việt Nam

**6.Yêu cầu về ngoại ngữ**

**6.1.** **Trường hợp không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ**

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp chương trình đại học và/hoặc cao học toàn thời gian ở nước ngoài với ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập ở nước ngoài là tiếng Anh hoặc tiếng Hoa thì được miễn yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ.

**6.2.** **Trường hợp có yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ**

Người dự tuyển tốt nghiệp đại học, cao học ở Việt Nam hoặc ở các nước không sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Hoa trong học tập thì phải có chứng chỉ tiếng Anh hoặc chứng chỉ tiếng Hoa được cấp không quá 02 năm tính đến thời điểm dự tuyển.

**a.Yêu cầu về tiếng Anh:**

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 73 điểm/TOEFL CBT 173 điểm/TOEFL PBT 550 điểm trở lên hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế khác tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR do các đơn vị công nhận cấp. (không chấp nhận chứng chỉ TOEIC).

Ghi chú: Người dự tuyển có điểm TOEFL-PBT 500 trở lên có thể đi thẳng vào đợt sơ tuyển lần 1 (xem điều 8.1), muốn đi thêm vào đợt tuyển lần 2 (xem điều 8.2), thì phải có điểm TOEFL-PBT 550 điểm.

**b.Yêu cầu về tiếng Hoa:** Chứng chỉ Kỳ thi Năng lực Hoa ngữ TOCFL của Đài Loan cấp 3 trở lên

**7. Hồ sơ và địa chỉ nhận hồ sơ:**

**7.1 Thời gian nhận hồ sơ:**

Trước ngày 30/04/2016 Người dự tuyển cần hoàn thành hồ sơ dự tuyển bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hoa gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TPHCM, địa chỉ: tầng 19 tòa nhà Flemington, 182 Lê Đại Hành, Quận 11, TPHCM. Điện thoại: 08-39651562; fax: 08-39651563; Email: tweduvn@gmail.com

Người dự tuyển có thể tham khảo các mẫu cần thiết được công bố trên các websites: <http://www.vied.vn>, <http://esit.org.tw> và http://www.tweduvn.org/vn)

(1). Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại phụ lục 1);

(2). Bản sao dịch công chứng văn bằng và bảng điểm tất cả các năm học đại học, sau đại học (giấy tờ này phải được công chứng tại Văn phòng lãnh sự- Bộ Ngoại giao Việt Nam tại Hà Nội và Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

(4). Kế hoạch/đề cương học tập/nghiên cứu (tối thiểu 500 từ);

(5). 02 thư giới thiệu của 02 giáo sư hoặc nhà khoa học về ngành học đăng ký dự tuyển;

(6). Tài liệu liên quan đến hoạt động khoa học/nghiên cứu (nếu có); Danh mục các công trình nghiên cứu đã được công bố hoặc giấy công nhận công trình nghiên cứu (nếu có);

(7). Chứng minh tài chính;

(8). Bản sao hộ chiế;

(9). Các giấy tờ khác (nếu có)

Toàn bộ giấy tờ cần trình bày trên giấy khổ A4, theo chiều dọc trang giấy. Bản chính hồ sơ dự tuyển cần đựng trong túi hồ sơ riêng kích thước 25cm x 34cm. Mặt ngoài túi hồ sơ ghi “Hồ sơ dự tuyển đi đào tạo sau đại học tại Đài Loan theo Chương trình VEST 500” và danh mục các loại giấy tờ có trong túi, ghi rõ địa chỉ liên hệ, các số điện thoại cố định, di động, e-mail thường sử dụng và fax (nếu có) để liên lạc.

**7.2 Địa chỉ nhận hồ sơ:**

Người dự tuyển căn cứ vào địa chỉ hộ khẩu mà gửi hồ sơ về Hà Nội (khu vực từ Huế trở ra Bắc) hoặc Thành phố Hồ Chí Minh (Khu vực Đà Nẵng trở vào Nam)

**Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội (hộ khẩu từ Huế trở ra Bắc)**

Phòng 305 số 239 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**Education Division, Taipei Economic and Cultural Office in Hanoi, Vietnam**

Room 305, HITC Building, 239 Xuan Thuy Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam  Email: [tweduvn@gmail.com](mailto:tweduvn@gmail.com);  Website: [http://www.tweduvn.org](http://www.tweduvn.org/)

Tel:+84-4-3833-5501 ext. 458~9; Fax:+84-4-3226-2114

**Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh (hộ khẩu từ Đà Nẵng trở vào Nam)**

Phòng 220 số 336 đường Nguyễn Tri phương, phường 4, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Education Division, Taipei Economic and Cultural Office in Ho Chi Minh City**

Room 220, 336 Nguyen Tri Phuong Street, Ward 4, District 10, HCM City, Vietnam Tel: +84-8-3834-9160 ext. 2202，2203; Fax: +84-8-3834-9180

**8. Quy định về hồ sơ và thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự xét tuyển học bổng NSNN với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Học bổng này được chia thành 2 giai đoạn, sơ tuyển và xét tuyển.

**8.1 Sơ tuyển**

Do Văn phòng Tinh Anh (Đề án du học) - Bộ Giáo dục Đài Loan (ESIT) và Liên minh các trường đại học Đài Loan cùng xét duyệt hồ sơ dự sơ tuyển. Sơ tuyển dựa trên các hồ sơ của người dự tuyển mà đưa ra quyết định hồ sơ đó có đậu và được cấp học bổng hay không.

**8.2 Xét tuyển**

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam xét tuyển để cấp học bổng ngân sách nhà nước Việt Nam dựa trên kết quả sơ tuyển của phía Đài Loan và hồ sơ dự tuyển bằng tiếng Việt của người dự tuyển (đăng ký online tại địa chỉ http://tuyensinh.vied.vn và hồ sơ giấy) đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các thông báo tuyển sinh theo các đề án đào tạo bằng ngân sách nhà nước sẽ được công bố trên các trang web: www.moet.gov.vn và www.vied.vn trong tháng 8.

Căn cứ Quyết định phê duyệt trúng tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo tiếp nhận của cơ sở đào tạo tại Đài Loan với các điều kiện tiếp nhận phù hợp quy định của học bổng ngân sách Nhà nước Việt Nam và hồ sơ hợp lệ của người dự tuyển, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ ra quyết định cấp học bổng và giấy chứng nhận cho người trúng tuyển trước khi người trúng tuyển sang Đài Loan nhập học và Thư đồng ý cử đi học thông báo cho văn phòng ESIT.

Ghi chú: nếu người dự tuyển khai man hồ sơ sẽ bị xử lý theo luật pháp Việt Nam, phí thủ tục sẽ không được hoàn trả lại.

Các giao đoạn xét tuyển trên, người dự tuyển thông qua vòng sơ tuyển, nhưng chưa thông qua vòng xét tuyển, thì trường Liên minh có quyền quyết định chấp nhận hoặc cấp học bổng cho người dự tuyển ; Nếu thông qua vòng sơ tuyển nhưng không thông qua vòng xét tuyển, nhưng người dự tuyển vẫn muốn được hưởng chế độ miễn học phí của trường. Nếu thông qua Đề án này xin nhập học tại Đài Loan, thì cũng được liệt kê thuộc trường hợp đặc biệt của Đề án này.

**9. Dự kiến quy trình tuyển sinh:**

**-VIED và Văn phòng kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam sẽ** công bố thông báo hướng dẫn dự tuyển vào tháng 1.

-Tiếp nhận hồ sơ dự sơ tuyển: Người dự tuyển thực hiện đăng ký online hồ sơ tại trang web của các trường thuộc danh sách liên minh VEST500, đồng thời gửi hồ sơ giấy về cho Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội và TPHCM trước cuối tháng 4;

-Sau khi hoàn tất thủ tục hồ sơ đăng kí online, sẽ bắt đầu tiến hành xét sơ tuyển vòng 1, thứ tự xét tuyển sẽ do hệ thống thông báo các trường tiến hành xét tuyển, kết quả xét tuyển sẽ được thông báo cho văn phòng ESIT trước cuối tháng 5.

-Văn phòng ESIT sẽ căn cứ vào thứ tự nguyện vọng của người dự tuyển trong hệ thống, sau đó sẽ gửi Thư chấp nhận học cho văn phòng ESIT, sau đó chuyển thư cho người dự tuyển.

-VIED, văn phòng ESIT và phòng Giáo dục (TECO) sẽ công bố danh sách trúng tuyển vào đầu tháng 6.

-Người dự tuyển nộp hồ sơ để dự xét tuyển học bổng NSNN theo hướng dẫn của Bộ GDĐT cho Cục đào tạo với nước ngoài.

- Cục Đào tạo với nước ngoài (VIED)- Bộ giáo dục và Đào tạo Việt nam sẽ công bố kết quả trúng tuyển vào tháng 8.

-Người dự tuyển trúng tuyển chậm nhất vào cuối tháng 7 phải trả lời cho phía Đài Loan là sẽ sang học hay không hoặc sẽ xin phép dời lại sau, nếu dời sau thì người dự tuyển phải xin phép sự đồng ý của trường mà mình theo học. Nếu được chấp nhận sẽ được bảo lưu tư cách nhận học bổng trong một học kì hoặc một năm.

-Người dự tuyển trúng tuyển tham dự buổi tập huấn trước khi sang Đài Loan (dự kiến tiến hành trong 01 ngày);

-Người dự tuyển trúng tuyển nộp Giấy khám sức khoẻ và các giấy tờ liên quan tiến hành xin visa vào Đài Loan. Đồng thời hoàn thành thủ tục đi học với Cục Đào tạo với nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

-Người dự tuyển trúng tuyển sang trường nhập học theo thời gian quy định.

Ghi chú: Người dự tuyển thông qua kết quả sơ tuyển nhưng chưa được xét tuyển đợt 2, nhưng sau khi được phía trường Đài Loan nhận nhập học, thì phải trong vòng 1 tháng sau khi nhận được thư phải trả lời cho trường có đến học hay không. Người dự tuyển thông qua kết quả sơ tuyển nhưng chưa được thông qua xét tuyển đợt 2, sau khi có kết quả xét tuyển đợt 2 trong vòng 1 tháng phải trả lời cho phía trường Đài Loan có đến học hay không. Cả hai trường hợp trên đều phải chứng minh tài chính khi đi xin visa.

**10. Quyền lợi và nghĩa vụ của người trúng tuyển**

**10.1.** Người trúng tuyển được Văn phòng ESIT và Liên minh các trường Đài Loan nhận nhập học vòng sơ tuyển, Bộ Giáo dục và Đào tạo xét phê duyệt trúng tuyển nếu đáp ứng các điều kiện được cấp học bổng ngân sách Nhà nước của các đề án đào tạo cán bộ tại nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước. Người trúng tuyển phải tuân thủ những quy định và dự trù kinh phí của ngân sách Nhà nước.

**10.2.** Người trúng tuyển phải cam kết hoàn thành chương trình đào tạo và về nước công tác như đã cam kết, nếu không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc không trở về nước công tác sẽ phải bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo theo quy định của Nhà nước. Cam kết phải được xác nhận theo quy định của các chương trình học bổng ngân sách nhà nước.

**10.3.** Sau khi có quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh sách trúng tuyển, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội và Cục Đào tạo với nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức buổi tập huấn để thông báo và hướng dẫn cho người trúng tuyển hoàn tất thủ tục lên đường đi học.

**10.4.** Người dự tuyển trúng tuyển sẽ được cấp học bổng đồng thời cần thực hiện nghĩa vụ của người được cấp học bổng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng sẽ căn cứ theo giấy tiếp nhận của cơ sở đào tạo ở nước ngoài nhưng không quá thời gian quy định tại Mục 1 của Thông báo này.

**10.5**. Trường hợp người trúng tuyển theo Chương trình học bổng này nhận được học bổng khác của cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài cấp với chế độ kinh phí bằng hoặc cao hơn học bổng ngân sách Nhà nước Việt Nam thì việc trúng tuyển học bổng theo Chương trình học bổng này sẽ bị hủy bỏ và người trúng tuyển chỉ được hưởng 01 học bổng do cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài cấp. Nếu học bổng được cấp ở mức thấp hơn chế độ hiện hành của học bổng ngân sách Nhà nước Việt Nam thì Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét cụ thể việc cấp bù để đạt mức quy định.

**10.6**. Người dự tuyển trúng tuyển phải thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 130/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 19/9/2013 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn chế độ tài chính thực hiện Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020" và các văn bản tài chính liên quan về các đề án đào tạo cán bộ tại nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước.

**11. Các trang web để tham khảo:**

**Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cục Đào tạo với nước ngoài - Bộ Giáo dục và Đào tạo** (VIED): http://www.moet.gov.vn và http://www.vied.vn

**Văn phòng Tinh Anh du học Đài Loan - Bộ Giáo dục Đài Loan (Elite Study in Taiwan Project Office, ESIT )**

<http://www.esit.org.tw>

**Văn phòng Kinh tế và Văn hoá Đài Bắc tại Hà Nội, Việt Nam- Phòng Giáo dục**

<http://www.tweduvn.org/vn>

**Văn phòng Kinh tế và Văn hoá Đài Bắc tại TPHCM- Phòng Giáo dục**

<http://www.tecohcm.org.vn/vn>

**2016年越南菁英赴臺灣留學入學申請表**

**附件1**

**(For official use only)**

**Application No.**

**VIETNAMESE ELITES STUDY IN TAIWAN APPLICATION FORM 2016**

**(For Applicant of VEST-500 Scholarship Project only)**

***INSTRUCTIONS:***

This application form should be typed and completed by the applicant. Each question must be answered clearly and completely. Detailed answers are required in order to make the most appropriate arrangements. If necessary, additional pages of the same size may be attached.

請申請人詳實填寫本件申請表，慎勿遺漏，以利配合作業。如有需要，申請人可自行以同款紙張加頁說明。

**PLEASE CHECK 請勾選以下選項**

|  |
| --- |
| **Which level of degree are you applying for? 你準備申請進修何種學位類別？**  □ Master碩士  □ Doctorate博士 |

**1. PERSONAL DATA 個人基本資料**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a. SEX 性別** | □ Male 男 □ Female女 | Please attach a recent photograph (4x6) taken within the last 3 months.  請貼最近3個月內  2吋相片1張 |
| **b. NAME姓名** | Vietnamese Name 越文姓名：  (Last/Surname姓) (First/Given名) (Middle)  Chinese Name 中文姓名(if any)：  (Last/Surname姓) (First/Given名) (Middle) |
| **c. DATE of BIRTH 生日** | (Day日／Month月／Year年)： |
| **d.CONTACT INFORMATION**  **聯絡地址、電話、 電子郵件** | Permanent Address永久地址：  Mailing Address郵寄地址：  Telephone電話： Cell phone手機：    E-mail電子郵件： | |
| **e. CITIZENSHIP**  **公民身分** |  | |
| **f. HEALTH CONDITION 健康狀況** | □ Excellent 優 □ Good 良 □ Fair可 | |
| **g. CONTACT PERSON, IN CASE OF AN EMERGENCY**  **緊急事件聯絡人** | Name姓名： Relationship關係：  Address地址：  Telephone 電話： Cell phone 手機：  E-mail 電子郵件： | |

**2. LANGUAGE PROFICIENCY語言能力證明**

**English Test**英語能力證明： Date日期(year /month)： Level通過等級： Score總分：

**Chinese Test**華語能力證明： Date日期(year /month)： Level通過等級： Score總分：

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LANGUAGE **PROFICIENCY 語言能力** | **COMPREHENSION聽** | | | **READING 讀** | | | **WRITING 寫** | | | **SPEAKING 說** | | |
| **Excel. 優** | **Good良** | **Fair 可** | **Excel.優** | **Good良** | **Fair**  **可** | **Excel.優** | **Good良** | **Fair可** | **Excel.優** | **Good良** | **Fair 可** |
| **CHINESE** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **ENGLISH** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Other,**  **please state** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. EDUCATIONAL BACKGROUND 教育背景**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Level 程度** | **Full name of Institution 學校全名** | **1. Graduate date畢業年月**  **2. Major 主修科系所** | **Country**  **國別**  **1.畢業年月2.科系** |
| **Senior High School**  **高中** |  | 1.  2. |  |
| **Bachelor 大學** |  | 1.  2. |  |
| **Graduate研究所** |  | 1.  2 | **.** |

**4. FILL OUT UP TO 5 PROGRAMS THAT YOU WOULD LIKE TO APPLY FOR IN TAIWAN’S UNIVERSITIES. 請填寫你有意願申請赴臺灣就讀之大學校院系所，最多5所。**

|  |  |
| --- | --- |
| **University** | **Program** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**5. AFFIDAVIT宣誓：**

I, the undersigned applicant, guarantee that the documents which I present for the application are valid and legally granted by the educational institutions I have studied. I agree to authorize the Taipei Economic and Cultural Office in Vietnam (Hanoi or Ho Chi Minh City) and the Elite Study in Taiwan Program Office and its associated Consortium universities to verify the information I provide. If any of the information is false, I will accept revocation of scholarship status.

本人確保所提交之各項申請文件均屬本人就讀之教育機構有效且合法授予。本人同意授權駐胡志明市臺北經濟文化辦事處、菁英來臺留學辦公室和相關聯盟學校驗證本人所提供的資料。如果有任何資料偽造不實，本人將接受撤銷受獎資格。

|  |
| --- |
| **Applicant’s Signature 申請人簽名：**  Date日期    **\_\_\_\_\_\_\_\_ /\_\_\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_\_\_** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **2016年「越南菁英500獎學金專案」臺灣聯盟大學名單**  **A List of Consortium University of VEST-500 Scholarship Project 2016** | | |
| **No** | **Name in Chinese** (中文校名) | **Name in English** (英文校名) |
| 1 | 國立中央大學 | National Central University |
| 2 | 國立成功大學 | National Cheng Kung University |
| 3 | 國立政治大學 | National Chengchi University |
| 4 | 國立交通大學 | National Chiao Tung University |
| 5 | 國立嘉義大學 | National Chiayi University |
| 6 | 國立中正大學 | National Chung Cheng University |
| 7 | 國立中興大學 | National Chung Hsing University |
| 8 | 國立東華大學 | National Dong Hwa University |
| 9 | 國立虎尾科技大學 | National Formosa University |
| 10 | 國立高雄第一科技大學 | National Kaohsiung First University of Science and Technology |
| 11 | 國立高雄應用科技大學 | National Kaohsiung University of Applied Sciences |
| 12 | 國立屏東科技大學 | National Pingtung University of Science and Technology |
| 13 | 國立屏東大學 | National Pingtung University |
| 14 | 國立中山大學 | National Sun Yat-sen University |
| 15 | 國立臺北護理健康大學 | National Taipei University of Nursing and Health Science |
| 16 | 國立臺北科技大學 | National Taipei University of Technology |
| 17 | 國立臺北大學 | National Taipei University |
| 18 | 國立臺灣海洋大學 | National Taiwan Ocean University |
| 19 | 國立臺灣科技大學 | National Taiwan University of Science and Technology |
| 20 | 國立清華大學 | National Tsing Hua University |
| 21 | 國立陽明大學 | National Yang-Ming University |
| 22 | 國立雲林科技大學 | National Yunlin University of Science and Technology |
| 23 | 長庚大學 | Chang Gung University |
| 24 | 長榮大學 | Chang Jung Christian University |
| 25 | 朝陽科技大學 | Chaoyang University of Technology |
| 26 | 中國醫藥大學 | China Medical University |
| 27 | 中國文化大學 | Chinese Culture University |
| 28 | 中山醫學大學 | Chung Shan Medical University |
| 29 | 大葉大學 | Da Yeh University |
| 30 | 逢甲大學 | Feng Chia University |
| 31 | 義守大學 | I-Shou University |
| 32 | 高雄醫學大學 | Kaoshiung Medical University |
| 33 | 崑山科技大學 | Kun Shan University |
| 34 | 明志科技大學 | Ming Chi University of Technology |
| 35 | 明新科技大學 | Minghsin University of Science and Technology |
| 36 | 靜宜大學 | Providence University |
| 37 | 實踐大學 | Shih Chien University |
| 38 | 東吳大學 | Soochow University |
| 39 | 南臺科技大學 | Southern Taiwan University of Science and Technology |
| 40 | 臺北醫學大學 | Taipei Medical University |
| 41 | 淡江大學 | Tamkang University |
| 42 | 大同大學 | Tatung University |
| 43 | 臺北市立大學 | University of Taipei |
| 44 | 文藻外語大學 | Wenzao Ursuline University of Languages |
| 45 | 元智大學 | Yuan Ze University |